HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/NQ-HĐND	*Thanh Hoá, ngày 13 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 12 năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 783/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh, với những nội dung chủ yếu sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: **5.461.760** triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.449.760 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.000.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thống nhất dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương năm 2019, tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương: **2.535.579** triệu đồng, trong đó:

1. Vốn trong nước: 2.067.325 triệu đồng.

- Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: 1.202.945 triệu đồng; bao gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 643.500 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 559.445 triệu đồng.

- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 673.180 triệu đồng.

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 191.200 triệu đồng.

2. Vốn nước ngoài: 468.254 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ và vốn nước ngoài): Thực hiện theo danh mục và mức vốn tại các Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành để giao kế hoạch cho các ngành, các cấp và các chủ đầu tư thực hiện. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân

dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2019.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Phụ lục: CHI TIẾT KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 117/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ								**5.461.760**		
A	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**								**4.000.000**		
C	**Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh**								**500.000**		
1	*Trả nợ Ngân hàng phát triển.*								*69.750*		
2	*Bố trí bổ sung cho Quỹ phát triển đất tỉnh.*								*50.000*		
3	*Bố trí chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, đo giới hành chính.*								*13.000*		
4	*Bố trí trả nợ gốc vốn vay các dự án ODA.*								*24.603*		
5	*Bố trí vốn cho Dự án phần tự đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).*	*2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014*	*4.333.373*	*4.333.373*	*976.421*	*976.421*	*3.694.373*	*3.694.373*	*350.647*		
D	**Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã**								**3.500.000**		
B	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**								**52.000**		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định.
C	**VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ**		**15.694.744**	**11.694.373**	**5.339.930**	**3.879.866**	**10.508.119**	**7.949.928**	**1.449.760**		
I	Bố trí vốn cho Dự án phần tự đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014	4.333.373	4.333.373	976.421	976.421	3.694.373	3.694.373	150.000		
II	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA trên địa bàn tỉnh								30.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định.
III	Bố trí cho các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại								84.000		Giao UBND tỉnh trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án và kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định.
IV	Bố trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và một số dự án cấp bách								45.000		Căn cứ tình hình thực tế và tiến độ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng mẫu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GĐ 2)										
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Dự án Điều chỉnh cục bộ tổng Khu di tích lịch sử Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.										
3	Đường giao thông từ ngã ba Vải (thành phố Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn										

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019										
V	Bố trí vốn để thực hiện Kế hoạch số 903/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh								80.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi thực hiện theo quy định
V.1	Bố trí vốn thực hiện dự án		13.159.370	7.159.000	4.253.529	2.903.445	6.805.841	4.255.555	1.062.760		Căn cứ tình hình thực tế, giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết (Danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư) đến từng dự án để triển khai thực hiện theo quy định
V.1.1	*Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt*		*457.539*	*326.869*	*404.212*	*317.498*	*173.318*	*109.469*	*109.469*		
1	Trạm bảo vệ thực vật thành phố Thanh Hóa	429/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	4.029	4.029	3.930	3.930	98	98	98	Chi cục bảo vệ thực vật Thanh Hóa	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Đồng Cổ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiền Viện Trúc Lâm Hàm Rồng), phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	8200/QĐ-UBND ngày 04/10/2016	9.908	9.908	9.500	9.500	408	408	408	Ban quản lý di tích và văn hóa Hàm Rồng	
3	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia	3264/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	18.648	18.648	15.600	15.600	3.048	3.048	3.048	Sở Y tế	
4	Công sở xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa	3434/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	7.490	5.405	6.285	4.500	1.215	905	905	UBND xã Thiệu Vân	
5	Đường từ Tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bỉm Sơn, thị xã Bỉm Sơn.	3468/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	86.945	29.820	72.367	18.100	14.578	11.720	11.720	UBND thị xã Bỉm Sơn	
6	Cầu Đông Phát, nối khu chung cư Đông Phát với khu dân cư phường Đông Vệ, đường Đông Tây, thành phố Thanh	2963/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	10.792	10.792	8.668	8.668	2.124	2.124	2.124	UBND thành phố Thanh Hóa	
7	Trạm bảo vệ thực vật huyện Mường Lát	3708/QĐ-UBND ngày 27/9/2018	4.121	4.121	3.600	3.600	521	521	521	Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Công sở xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	4059/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	5.646	5.056	4.260	3.960	1.386	1.096	1.096	UBND xã Thọ Lập	
9	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định	5055/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	11.328	7.325	6.650	5.850	4.678	1.475	1.475	Huyện uỷ Yên Định	
10	Đường CH -09	355/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	36.005	36.005	35.200	35.200	805	805	805	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
11	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ	2715/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	68.502	65.466	46.290	46.290	22.212	19.176	19.176	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn	3945/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	23.239	20.084	15.500	15.500	7.735	4.581	4.581	UBND huyện Quan Sơn	
13	Đê tả sông Dừa xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa	3725/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	103.220	23.226	31.000		72.220	23.226	23.226	UBND huyện Thiệu Hóa	
14	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa	3121/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	71.398	11.166	60.232		11.166	11.166	11.166	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
15	Công sở xã Tân Thanh, huyện Thường Xuân	4302/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	7.458	7.458	6.310	6.310	1.148	1.148	1.148	UBND xã Tân Thanh	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự toán TMĐT): giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Tuyến đường chính và đường nhánh số thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa.	4269/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	26.637	18.650	22.272	14.600	4.344	4.050	4.050	UBND huyện Quan Hóa	
17	Sửa chữa, cải tạo xây dựng phòng họp trực tuyến và một số hạng mục được trụ sở cơ quan Tỉnh ủy.	4267/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.394	10.394	7.000	7.000	3.394	3.394	3.394	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
18	Khu hội nghị huyện Như Xuân.	4476/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	11.431	11.360	14.554	9.200	3.875	2.160	2.160	UBND huyện Như Xuân	
19	Vườn hoa về tượng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, thị xã Sầm Sơn.	4604/QĐ-UBND ngày 19/11/2018	11.039	11.039	9.600	9.600	1.439	1.439	1.439	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
20	Cầu Bái Gỗ, xã Cao Ân, huyện Lang Chánh	4570/QĐ-UBND ngày 15/11/2018	38.682	11.167	27.515		11.167	11.167	11.167	UBND huyện Lang Chánh	
21	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, huyện Nga Sơn (Hạng mục Tuyến đê biển số 01 đoạn từ C87A - C113 và một số các phí khác)	3423/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	83.833	5.753	78.080		5.753	5.753	5.753	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.3	*Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt*		*817.770*	*435.331*	*586.369*	*331.580*	*231.461*	*123.832*	*48.450*		
1	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	3735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	192.687	96.899	185.094	88.500	8.393	8.393	4.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.	2532/QĐ-H41-H45 ngày 30/10/2015	129.922	19.500	90.000	10.000	39.922	9.500	6.500	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa (Nay thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa)	
3	Trụ sở Báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012; 3831/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	80.055	80.055	63.300	63.300	16.755	16.755	750	Báo Thanh Hóa	
4	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 5095/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	18.509	7.500	5.500	5.500	13.009	2.000	500	UBND xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	
5	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548	37.000	37.000	16.031	15.548	5.000	UBND huyện Quảng Xương	
6	Đường giao thông cầu Kè - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	43/QĐ-UBND ngày 07/01/2009, 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	134.215	36.000	98.678	33.284	13.000	UBND huyện Thọ Xuân	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.	4142/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.931	14.931	7.700	7.700	7.231	7.231	4.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Cải tạo trụ sở hiện có quan Hội cựu chiến binh, Tỉnh đoàn, Hội nông dân tỉnh và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh.	1785/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	14.982	14.982	10.500	10.500	4.482	4.482	1.500	Ban Chấp hành Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa	
9	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn.	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639	55.000	55.000	26.960	24.639	9.000	UBND huyện Triệu Sơn	
VI.5	*Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019*		*2.299.870*	*1.907.206*	*1.431.315*	*1.207.987*	*868.655*	*614.797*	*200.774*		
1	Đường giao thông từ Qt.1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn.	4335/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 4190/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	181.084	176.100	75.000	75.000	106.084	101.100	50.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	
2	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị quần thể di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000	25.700	25.700	20.247	12.300	900	UBND huyện Vĩnh Lộc	
3	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành	1700/QĐ-UBND ngày 3/6/2009; 814/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.146	23.541	95.525	8.700	18.841	18.841	4.667	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân Dân	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014, 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015, 1761/QĐ-	75.267	51.545	44.506	22.000	30.761	29.545	5.877	Sở Xây dựng	
5	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 1874/QĐ-UBND ngày 05/6/2013, 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 1500/QĐ-UBND ngày	495.310	495.310	369.400	369.400	125.910	125.910	20.000	Sở Xây dựng	
6	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 1076/QĐ-UBND ngày 29/3/2018	88.662	48.662	29.400	29.400	19.262	19.262	6.600	UBND huyện Quan Sơn	
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối từ Đường tỉnh 526 với Quốc lộ 10, huyện Hậu Lộc	686/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	22.908	20.000	14.000	14.000	8.998	7.000	700	UBND huyện Hậu Lộc	
8	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện Đa khoa tỉnh	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	126.451	126.451	41.000	41.000	85.451	85.451	46.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Tân Ly đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972	37.000	37.000	16.972	16.972	700	UBND huyện Triệu Sơn	
10	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	34.965	34.965	14.050	14.050	20.915	20.915	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
11	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích lịch sử cách mạng Kim Hoa xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn	1996/QĐ-UBND ngày 31/10/2016, 3272/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	26.110	26.110	14.050	14.050	12.060	12.060	1.250	UBND huyện Đông Sơn	
12	Mở rộng Khu tập thể cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn	162/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/8/2017	22.145	17.500	10.000	10.000	12.145	7.500	2.200	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
13	Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa	1056/QĐ-UBND ngày 28/3/2016, 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017	699.868	604.868	587.898	491.482	111.970	113.686	30.000	Sở Y tế	
14	Nâng cấp trạm bơm nước Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân	4559/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881	48.125	48.125	36.856	34.756	9.800	UBND huyện Thọ Xuân	
15	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ cũ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	100.000	105.761	68.009	184.181	32.000	12.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
VI.4	*Dự án hoàn thành sau năm 2019*		*6.076.618*	*3.337.399*	*1.810.793*	*1.025.630*	*4.266.025*	*2.301.969*	*439.476*		
1	Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016, 3224/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1.283.329	300.000	60.319	60.319	1.223.010	239.681	70.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016, 172/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/8/2017	1.479.093	300.000	617.000	25.000	862.095	175.000	25.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Hạ tầng kỹ thuật: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt TP Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; 816/QĐ-UBND ngày 13/3/2017; 4643/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	221.117	207.504	118.900	118.900	102.217	88.604	9.200	Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	3041/QĐ-UBND ngày 27/8/2009; 777/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	125.830	125.830	46.009	46.009	79.821	79.821	25.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định	3171/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	79.490	79.490	28.000	28.000	51.490	51.490	15.000	UBND huyện Yên Định	
6	Đường giao thông từ QL1A vào khu du lịch nghỉ mát biển Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia	166/QĐ-UBND ngày 15/01/2007; 1353/QĐ-UBND ngày 07/5/2009; 2948/QĐ-UBND ngày 29/8/2009; [illegible]	99.879	60.000	49.112	12.000	50.767	48.000	18.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
7	Nâng cấp, cải tạo đường Mộ Tào - Cao Ngọc - Vân Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Quảng Thiện, huyện Lang Chánh	4225/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	119.476	60.000	60.000	59.976	57.476	18.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
8	Hệ thống đường giao thông xã Mường Chanh, huyện Mường Lát	4138/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	134.590	59.000	26.000	18.000	68.590	32.980	11.000	UBND huyện Mường Lát	
9	Cải dịch sông Tuần Cung - KKT Nghi Sơn	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013; 417/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 23/11/2016	197.719	197.719	60.000	60.000	47.719	47.719	12.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
10	Tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện một số đê bờ sông Nhà Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa	3097/QĐ-UBND ngày 25/8/2017, 1162/QĐ-UBND ngày 05/4/2018	94.214	92.724	20.150	21.150	73.066	71.574	13.850	UBND huyện Thiệu Hóa	
11	Cải tạo, nâng cấp hồ Đá Cát, xã Thạch Vinh, huyện Thạch Thành	2810/QĐ-UBND ngày 05/8/2017	80.026	77.026	28.150	28.150	51.876	48.876	23.000	UBND huyện Thạch Thành	
12	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009; 648/QĐ-UBND ngày 25/02/2015; 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	137.888	77.957	65.747	71.821	72.141	20.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
13	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.677	89.813	58.000	34.000	77.677	55.813	15.000	UBND huyện Hoằng Hóa	
14	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018	159.894	154.276	59.517	59.517	100.377	94.759	10.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
15	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298	65.000	65.000	80.966	75.298	19.000	UBND huyện Hậu Lộc	
16	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đồng Sơn (Kết nối QL45, 47)	4392/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	353.021	134.831	51.000	51.000	302.021	83.831	23.000	UBND huyện Đông Sơn	
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000	18.138	18.138	181.860	41.862	15.000	UBND huyện Yên Định	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
18	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiều đi Cầu Nhơm, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn	5063/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	134.990	134.990	21.200	21.200	113.790	113.790	25.000	UBND huyện Triệu Sơn	
19	Tuyến đường bờ vòn biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/05/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	242.459	148.841	37.000	175.459	175.459	5.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
20	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	3122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.682	39.682	22.100	22.100	17.582	17.582	8.426	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
21	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Phú, huyện Quảng Xương	3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	126.365	115.000	32.200	32.200	94.565	82.800	20.000	UBND huyện Quảng Xương	
22	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Bỉm Chè - Thiều Toán - thành Phúc	3903/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	120.000	120.000	32.000	32.000	88.000	88.000	23.000	Sở Giao thông Vận tải	
23	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.	3139/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	131.697	124.000	32.200	32.200	99.497	91.800	23.000	UBND huyện Cẩm Thủy	
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải nước mưa khu vực phía Tây đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn	1898/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	158.682	158.682	53.000	53.000	105.682	105.682	24.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
25	Di dân tái định cư tổng hồ Yên Mỹ tỉ cao mình (+18,50) m đến cao trình (+20,16) m	4515/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	290.903	290.903	25.000	25.000	265.903	265.903	13.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.2	*Dự án khởi công mới năm 2019*		*1.356.586*	*1.092.686*	*41.000*	*41.000*	*1.114.586*	*1.051.686*	*223.600*		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GĐ1)	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018	499.000	499.000	21.100	21.100	477.900	477.900	100.000	Sở Giao thông Vận tải; UBND TP. Thanh Hóa, UBND huyện Đông Sơn, UBND huyện Triệu Sơn	
2	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Độc)	970/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	84.990	84.990	2.100	2.100	82.890	82.890	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc	1643/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	83.989	79.989	2.100	2.100	81.889	77.889	15.000	UBND huyện Hậu Lộc	
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thuỵ Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh	1510/QĐ-UBND ngày 26/4/2018	65.000	64.000	2.100	2.100	62.900	61.900	10.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi Thanh Hóa (Phần ngân sách tỉnh đầu tư)	1285-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	50.000	10.000	1.500	1.500	48.500	8.500	3.600	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
6	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 545B (ĐT 515B) Thiều Lý - Đông Thắng	952/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	39.999	39.999	1.800	1.800	38.199	38.199	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
7	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 545C Đu - Thọ Vực	1602/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	39.998	39.998	1.800	1.800	38.198	38.198	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh	1027/QĐ-UBND ngày 26/5/2018	49.999	47.999	1.950	1.950	48.049	46.049	10.000	UBND huyện Như Thanh	
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân	1441/QĐ-UBND ngày 30/4/2018	25.000	24.900	1.950	1.950	23.050	22.950	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
10	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 520 vào cụm công nghiệp Bãi Bói, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh	1355/QĐ-UBND ngày 11/04/2018	21.999	21.999	1.500	1.500	20.499	20.499	10.000	UBND huyện Lang Chánh	
11	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ nút A3 đến nút A4).	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	59.278	45.000	2.100	2.100	57.178	42.900	10.000	UBND thành phố Thanh Hóa	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự toán TMĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	59.886	59.886	700	700	59.186	59.186	15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
13	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018	76 246	74 246	300	300	75.946	73 946	10 000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
VI.6	*Dự án chuẩn bị đầu tư*		*152.000*	*55.000*			*152.000*	*55.000*	*1.000*		
1	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa (GĐ 2).	3744/KL-HĐND ngày 01/10/2018	152.000	55.000			152 000	55.000	1 000	UBND huyện Hoằng Hóa	